

NHỮNG TÁC ĐỘNG VÀO LỊCH SỬ VIỆT NAM
CUỐI THẾ KỶ XVIII

Nguyễn Duy Chính

sugia.vn xin chân thành cảm ơn anh Nguyễn Duy Chính
đã cung cấp các bài viết giá trị này

In times of rapid change,
experience could be your worst enemy.

*Trong thời đại đổi thay nhanh chóng,
kinh nghiệm lại có thể là kẻ thù nguy hiểm nhất.*

J. Paul Getty

I. ÂM MƯU CỦA THANH TRIỀU

Vào thế kỷ XVII - XVIII, nằm giữa Vân Nam và Đông Nam Á là một khu vực hình trăng non mà các sử gia gọi là “*the southwest crescent frontier*”¹. Quen với biên giới hành chính hiện tại, ít ai trong chúng ta hiểu rằng vào thời kỳ đó, phần lãnh thổ các tỉnh Lai Châu, Lào Kay, Sơn La, Yên Bái [tây bắc Việt Nam] tuy phụ thuộc ít nhiều vào triều đình Thăng Long nhưng sinh hoạt riêng rẽ như một khu vực tự trị [sử gọi là Sib Song Chu Thai].²

Phía nam của khu “Nga Mi” (Crescent) này là Sip Song Panna, một khu vực giàu tài nguyên, khoáng sản nên buôn bán khá nhộn nhịp. Trong suốt mấy chục năm, Thanh triều tốn rất nhiều công lao tiền bạc để khống chế các dân tộc thiểu số, tranh đoạt ảnh hưởng với Xiêm La và Miến Điện nhưng vì tình hình phức tạp và đa chủng nên không thành công.

Một số đông khách thương ở đây gốc người Hán, hoặc di cư tới vì nhu cầu buôn bán, hoặc là hậu duệ của binh lính nhà Minh thời Quế vương [vua cuối cùng của nhà Minh, niên hiệu Vĩnh Lịch] sống lẫn và pha trộn với thổ dân. Theo C. Pat Giersch thì:

... Khách thương người Hán đến vùng Nga Mi (Crescent) hay xa hơn nữa để kiếm những mặt hàng không mua được ở Vân Nam, có người đến tận Miến Điện. Đường ngược lại cũng thế, nhiều thương nhân mang hàng ở bên ngoài đến bán tại Nga Mi hay Vân Nam. Những thị trường này thu hút nhiều sắc tộc và việc buôn bán đường xa khiến các nhà buôn phải dựa trên quan hệ cá nhân để buôn bán từ Vân Nam cho đến khắp vùng Đông Nam Á, nối liền từng vùng thành một mạng lưới thương vụ chung.

Hàng hoá đường xa bao gồm sản phẩm sản xuất tại các vùng Xiêm La, Miến Điện và các khu người Thái bên ngoài vòng kiểm soát của Thanh triều, hàng hoá của Trung quốc và của vùng Nga Mi. Các dân tộc Đông Nam Á bán sang Trung Hoa các loại hàng quý như ngà voi, đá quý chưa cắt, ngọc, vàng bạc và các loại sản phẩm chưa chế biến, thực phẩm trong đó có bông, sắt, muối và cá khô. Hàng Trung Hoa bán ra vùng này bao gồm lụa là, bông sợi và đồ đồng ...³

Đầu thế kỷ XVIII, Thanh triều nhiều lần động binh vì muốn độc quyền việc buôn bán bông sợi (cotton). Để thêm hiệu quả, nhân chiến tranh với Miến Điện, vua Càn Long đã ra lệnh phong tỏa buôn bán⁴ toàn bộ biên giới tây nam, và lệnh này đưa đến việc đóng cửa các ải

¹ Teân môùi laø Tam Giaùc Vaøng

² Xem thêm Jan M. Pluvier, *Historical Atlas of South-East Asia* (New York: E. J. Brill, 1995) baùn ñoà 28-9

³ “A Motley Throng:” Social Change on Southwest China’s Early Modern Frontier, 1700-1880 (The Journal of Asian Studies, Vol 60, No. 1, Feb. 2001) tr. 81

⁴ *Despite a period of more lenient frontier policies that allowed merchants and miners to travel freely during the 1740s and 1750s, the Qing imperial government again tried to impose strict regulations in the 1760s. Then, in the aftermath of wars with Burma (1765-70), the Qing imposed a total trade embargo on goods crossing the frontier.* C. Pat Giersch, *taøi lieâu ñaø daãn*, tr. 83

sang Đại Việt, tạo cho nước ta một thời kỳ khó khăn về kinh tế. Cấm vận chỉ được giải toả sau khi phong vương cho Nguyễn Huệ, và cũng là một trong những biến chuyển thương mại quan trọng mà các nhà nghiên cứu Tây phương gọi là thời kỳ phát triển “*tiền tư bản*” của khu vực này. Đó cũng là lý do vua Quang Trung cố gắng tiến hành việc xây dựng kinh đô mới ở Nghệ An làm cửa khẩu thông thương với toàn vùng Bắc Thái, xây dựng một hậu phương thay thế cho miền Bắc mà ông cho rằng đã “*hết vượng khí*”. Đây cũng là nơi có nhiều bộ lạc thần phục Việt Nam, chia ảnh hưởng với Xiêm La.⁵

Trong kế hoạch của nhà Thanh, nếu kiểm soát được miền Bắc Việt Nam, việc tiến thêm một bước để chinh phục vùng Bắc Thái và Sib Song Chu Thai sẽ dễ dàng hơn là vượt núi non đánh xuống lưu vực sông Irrawaddy [Miến Điện] nhiều. Việt Nam là một khu vực mà Trung Hoa có tham vọng chinh phục trong bối cảnh toàn vùng Đông Nam Á.

II. TRẬN CHIẾN TÂY SƠN – NGUYỄN ÁNH

Trong khoảng thời gian ngắn ngủi chưa đầy 20 năm [1782-1802], Việt Nam đã ghi dấu sự sụp đổ của ba dòng họ: vương triều của chúa Nguyễn ở trong Nam, vương triều của chúa Trịnh và vua Lê ở miền Bắc, và sau cùng là vương triều của nhà Nguyễn Tây Sơn.

Khi một triều đại mới kết thúc, kẻ chiến bại nào cũng có những vùng vẫy để hồi sinh chủ yếu là toan tính khôi phục của “*tàn dư*” và mưu cầu “*ngoại viện*”, theo một nghĩa rộng rãi là tìm cách liên kết với những “*kẻ thù của kẻ thù ta*”. Hai mẫu số chung này được lập lại ở bất cứ đâu, bất cứ nhóm nào. Nguyễn Ánh chạy sang Xiêm, nhờ cậy Pháp cũng có cùng mẫu số với Lê Duy Kỳ khi nương cậy người Tàu và hai nhóm thất thế Đồng Nai [Nguyễn Ánh] – Lê đẳng [Chiêu Thống] không phải chỉ một lần tựa vào nhau để cùng đánh Tây Sơn.

Cũng tương tự, khi có nguy cơ bị tiêu diệt, triều đình Nguyễn Quang Toản trong cơn tuyệt vọng cũng vội vàng chạy sang nhà Thanh nhờ giúp đỡ. Có lúc trên đất Trung Hoa cùng hiện diện ba phái đoàn vận động của nước Nam [một phái đoàn của Tây Sơn, hai phái đoàn của Nguyễn Ánh] và Thanh triều đã bằng cách này hay cách khác cầm chân họ để chờ xem biến chuyển thế nào trước khi tỏ một thái độ dứt khoát. Chẳng nói cũng biết, khi gió đã đổi chiều, nhà Thanh quay lưng với triều đình Cảnh Thịnh - Bảo Hưng cũng giống như 13 năm trước họ bỏ rơi vua Chiêu Thống.

Để cho danh chính ngôn thuận, nhà Thanh lại gán ghép cho Nguyễn Quang Toản nhiều tội lỗi mà ông không làm, điển hình là vu cáo cho triều đình Tây Sơn ám trợ hải khấu sang cướp vùng Hoa Nam, khi thực tế những biến động trên biển cả và vùng duyên hải liên hệ nhiều đến chính sách ngoại giao và thương mại lỗi thời của Trung Hoa hơn là vì phiên thuộc không làm tròn bổn phận.

⁵ Ảnh hưởng của anh em Tây Sơn ở vùng này có thể còn nhiều hơn nữa nên nhà Thanh đã dự trù cả kế hoạch đem quân từ Vân Nam xuống Bắc Lào để bắt giữ Nguyễn Huệ nếu như ông thua chạy sang đây. Theo quan niệm của người dân Nam Á, một khi thay đổi triều đại hay có những biến chuyển quan trọng [kinh tế, văn hoá hay chính trị], họ thường di chuyển kinh đô tới một vùng đất mới có nhiều ưu điểm hơn.. Rất có thể đây cũng là một lý do Nguyễn Huệ hết sức chiêu dụ Nguyễn Thiếp xem đất để dời đô về Nghệ An.

Ở vào thế lưỡng đầu thọ địch, triều đình Tây Sơn không còn đủ sức bảo vệ bờ cõi đành thu hẹp vào những thị trấn lớn. Con đường rút lui của anh em Nguyễn Quang Toản cho thấy họ đã định chạy sang Trung Hoa - hay ít ra cũng tìm cách xây dựng một căn cứ ở biên giới Hoa Việt - nhưng không thành công. Khi Nguyễn Ánh trên đà chiến thắng, di thần Lê Trịnh nổi lên khắp nơi, mục tiêu không phải hưởng ứng với quân đội Gia Định mà để đòi lại quyền cai trị miền Bắc, tái lập một nước An Nam có lãnh thổ kéo dài đến tận sông Gianh, quay trở về thời kỳ phân tranh thuở trước.

Chung cục của nhà Tây Sơn hầu như không mấy ai để ý đến, một phần vì không có những trận đánh khốc liệt thư hùng, nhưng cũng do chính nhà Nguyễn không muốn đề cao vai trò của Bắc Hà nên thành phần chống lại triều đình Cảnh Thịnh - Bảo Hưng chỉ được miêu tả như một lực lượng hạng hai, những người “*kiến cơ nhi tác*”, theo chúa Nguyễn ở giờ thứ hai mươi lăm.

Sau khi chiến thắng, vua Gia Long cũng trấn an dân chúng miền Bắc bằng nhiều cách, cho họ một chút ân sủng như ban phát bổng lộc, quan chức cho giới khoa bảng cũ, đánh đòn một số đã chạy theo Tây Sơn để cho sĩ phu Đàng Ngoài được hả dạ.

Thế nhưng ân điển của triều đình chỉ đến thế và những hành vi nào mang tính chất nổi loạn đều bị trừng trị thích đáng. Chỉ ít năm sau, con cháu nhà Lê cũng bị hạ ngục hay bị giết. Sau tuần trăng mật với tân triều, sĩ phu Bắc Hà tự chia rẽ trong lối suy nghĩ, kể cả tâm tình hoài vọng cựu triều. Một số người hoài Lê nhìn thấy “*Trấn Bắc hành cung cỏ dãi dầu*”, trong khi không hiếm người nhớ lại thời kỳ Tây Sơn, với chiến thắng vang dội ở Đống Đa và một thuở huy hoàng được Thanh triều vị nể.⁶

Vụ án đáng kể nhất của thời đại Gia Long – giết cha con ông Nguyễn Văn Thành – không khỏi cho chúng ta đặt câu hỏi rằng phải chăng vua Gia Long xem ra không vừa ý khi thấy vị tiền quân có chiều thân thiết với thần tử của nhà Lê? Chính vì thế chỉ một câu thơ ngông nghênh “*Tá ngã kinh luân chuyển hoá kỳ*” của cậu ấm Nguyễn Văn Thuyên đã đưa đến cái họa tru lục của gia đình đệ nhất công thần này.

⁶ Tuy chỉ là tiểu thuyết, Ngô Giáp Đậu chép trong *Hoàng Việt Hưng Long Chí* cũng phần nào phản ánh sự thật:

Triều thần có người nói:

Quang Trung tuy đắc tội với bản triều, nhưng cũng là một vị chúa anh hùng. Xem y là kẻ khởi binh từ tay trắng, vậy mà lấy được Phú Xuân dễ như Hoa Quận. Ra đến Thăng Long thì hạ được chúa Trịnh; xua binh thì giết Nguyễn Chỉnh, đuổi được vua Lê. Đánh đuổi được viện binh phương bắc của Đại Thanh, một trận Ngọc Hồi làm người Ngô mất hết nhuệ khí. Phá quân Vạn Tượng, Phù Nam. Diệt Trịnh Cao tiểu quân Lào. Xưng vương xưng đế, có ai không làm? Bên võ bên văn, có ai không phục? Xem thiên văn thấy sao châu về phương nam nên sợ, xét đất kẹt lại có thể nhập đế nên lo.

[Trần Khánh Hạo, Trịnh A Tài và Trần Nghĩa (chủ biên). *Việt Nam Hán Văn tiểu thuyết tùng san* [Lịch Sử Tiểu Thuyết Loại]: *Hoàng Việt Hưng Long Chí*, *Hoan Châu Ký*, *Hậu Trần Dật Sử* (Đài Bắc: Đài Loan học sinh, 1992) Ngô Giáp Đậu (□), *Hoàng Việt Long Hưng Chí* () hồi 29, tr. 154]

Tuy không đưa đến thăm sát và truy quét trên qui mô rộng, vụ án Nguyễn Văn Thuyền thực sự là một dạng Văn Tự Ngục nhằm uy hiếp sĩ phu đất Bắc. Những vụ “*xoá sạch tàn dư Tây Sơn*” thời Minh Mạng chỉ là những bước kế tiếp.

Trong gần một thế kỷ dưới triều Nguyễn, Bắc Việt Nam sống như một thuộc quốc mà không bao giờ trở lại bình thường. Nhiều danh sĩ xuất thân từ châu thổ sông Hồng, sông Mã như Nguyễn Du, Phan Huy Chú, Cao Bá Quát, Nguyễn Văn Siêu, Đặng Xuân Bảng ... chưa bao giờ được thi thố tài năng một cách trọn vẹn. Không hiếm những cuộc nổi loạn nhân danh khôi phục Lê triều đều bị đàn áp đẫm máu. Chưa thời nào miền Bắc nhiều loạn lạc như thời Nguyễn. Có lẽ cũng vì thế mà chỉ mới Pháp thuộc chưa lâu, sĩ phu Bắc Hà đã thẳng thắn đánh giá lại vai trò của trung ương [kể cả đặt vấn đề chính thống – ngụy triều của Tây Sơn] trong khi tại Nam Kỳ triều đình Huế không bao giờ bị phủ nhận một cách triệt để.

III. THẾ CHIẾN QUỐC, THẾ XUÂN THU

Cuộc chiến Tây Sơn – Nguyễn Ánh kéo dài khá lâu, qua nhiều giai đoạn, mỗi giai đoạn có những đặc điểm nổi bật. Ngay từ năm 1789, sau khi đánh tan quân Thanh, Nguyễn Huệ đã bị lôi cuốn vào quan hệ ngoại giao với Thanh đình, từ việc qua lại để được phong vương rồi liên tiếp nhiều phái đoàn thù tạc khiến ông hầu như say men với những thắng lợi vừa đạt được.

Tương quan mở rộng đã khiến vua Quang Trung có những toan tính xa hơn, kể cả việc cầu hôn một cô công chúa Mãn Châu⁷. Dưới mắt của một số sử gia, những đòi hỏi đó có vẻ như những thách thức, nhưng khi đặt trở lại bối cảnh của thời đại, chúng ta có thể tin rằng những yêu cầu của ông chỉ muốn chứng tỏ – hay tái khẳng định – lại tương quan cá nhân giữa ông và vua Càn Long chứ khó có thể là một hành vi khiêu khích.

Việc qua lại giữa Trung Hoa và Việt Nam rõ nét nhất có lẽ là tìm hiểu về các sứ bộ ngoại giao trong khoảng thời gian 1789 đến 1795 [là năm vua Càn Long thoái vị]. Năm 1792, chính Nguyễn Huệ đã yêu cầu thay đổi sang thể thức triều cống 2 năm một lần⁸, hai lần [4 năm] gộp lại gửi sứ bộ đem lễ vật [trước đây là 3 năm một lần, 6 năm sai sứ bộ sang Bắc Kinh] như để khẳng định liên hệ càng lúc càng mật thiết giữa Trung Hoa và Đại Việt. Ngoài những phái đoàn chính thức, năm nào nước ta cũng có những sứ đoàn sang Trung Hoa chứng tỏ tương quan hơn hẳn từ trước đến nay trong lịch sử.

Trong văn chương bang giao thời đó, chúng ta còn tìm thấy khá nhiều những bức thư vua Quang Trung thăm hỏi các đại thần nhà Thanh trong Quân Cơ Xứ và Nội Các. Năm 1792, sau khi bình định Tây Tạng, vua Càn Long cũng gửi thư cho Nguyễn Huệ về võ công này và

⁷ Trong sử nước ta, nhiều đòi hỏi của vua Quang Trung được ghi lại nhưng khi đối chiếu với những tài liệu có giá trị cao hơn thì không phù hợp. Nguyễn Huệ có yêu cầu nhà Thanh xét lại một số khu vực biên giới để trả lại cho nước ta vài châu quận nhưng không thành công. Việc đòi đất Lương Quảng không có thực và chuyện vua Càn Long ban cho một tỉnh Quảng Tây làm của hồi môn lại càng hư cấu. Trong di cảo của Ngô Thì Nhậm còn một bức thư cầu hôn nhưng không biết lá thư đó có được đệ lên hay không, nhất là khi đó vua Càn Long không còn một người con ruột nào chưa lấy chồng. Chúng tôi cũng chưa tìm thấy một văn kiện nào liên quan đến chuyện này ở phía Thanh triều.

⁸ Đạo dụ của vua Càn Long ngày Tân Sửu, tháng 5 năm CL 57 [22-6-1792]

khi Nguyễn Huệ đánh thắng ở Ai Lao ông cũng báo tin cho nhà Thanh [kể cả viết thư gửi nhiều đại thần trong Quân Cơ Xứ]. Chi tiết đó được nhắc lại trong bài biểu nhan đề “*Phụng Thuởng Tiền Vương Sở Bính Chỉ Dụ Biện Lý Tây Tạng Cơ Lược Tạ Biểu*” của Nguyễn Quang Toàn⁹. Khi Nguyễn Huệ qua đời, vua Càn Long đã sai Phúc Khang An đem binh “*áp cảnh*” [tiến đóng ở biên giới] như một bảo đảm cho triều đình Cảnh Thịnh không bị quyền thần cướp ngôi.

Sự mật thiết giữa hai triều đình đã khiến quân chúng nghi ngờ cho rằng chỉ là một mặt nạ che dấu những chống đối ngấm ngầm của Nguyễn Huệ ở bên trong, có lẽ bắt nguồn từ tâm lý hoài nghi vì vừa mới đánh tan quân Thanh đã vội vàng xin thông hiếu. Đó cũng là nguyên nhân của việc phao tin một vua Quang Trung “*giả*” sang Bắc Kinh. Lời đồn đó hẳn phát xuất từ miền bắc như cái phao tinh thần để hạ thấp tư cách của Nguyễn Huệ nhưng cũng là một cách giải thích một sự kiện mà người ta không tin hẳn. Đến khi nhà Tây Sơn sắp diệt vong - và Nguyễn Ánh có ý chiếm luôn cả Bắc Hà – nhiều dao ngôn khác lại được tung ra để ngăn chặn Thanh triều giúp đỡ nhà Tây Sơn.¹⁰

Có lẽ vì hình ảnh một vua Quang Trung đánh tan quân Thanh quá lớn, hơn 30 năm sau khi ông qua đời, vua Minh Mạng còn phải đặt ra một hình thức “*ôm gói*” để nhập nhằng coi đó là đại lễ mà vua Càn Long tiếp đón Nguyễn Huệ hầu xoá đi những hào quang còn sót lại của vị anh hùng áo vải, tạo nên một nghi án lịch sử tồn tại mãi đến tận hôm nay.

Việc kết thúc cuộc chiến năm 1802 giữa Nguyễn Ánh và Tây Sơn cũng không đơn giản. Dưới nhãn quan chính trị của Trung Hoa thời đó, vua Gia Long thống nhất đất nước từ Nam chí Bắc không phải là bước sau cùng của một cuộc nội chiến mà là nước Nòng Nại [Đồng

⁹ *Ngô Thì Nhậm tác phẩm I*, Hà Nội: Văn Học, 2001 tr. 472 và 854

¹⁰ Những tin đồn được theo dõi theo lối tiểu thuyết Minh – Thanh vốn dĩ khá phổ biến vào thời kỳ đó. Việc này vua Quang Trung cũng đã nghe và báo cho triều đình Càn Long biết. Trong tấu ngôn của Nguyễn Quang Bình (Nguyễn Huệ) ngày mồng 9 tháng 3 năm Càn Long 56 có đoạn như sau:

...



Chí thần thâm tình trần cảm, cánh hữu ý liệu sở bất đáo. Thần chi thân phó khuyết đình, triển cận chúc lý. Thành dục tá qui hương vi thâm. Thiếu đáp thiên ân vạn phần chi nhất. Nhi thần chi quốc nhân, kiến thần khởi thân nhập cận. Nãi bản quốc tiền tính. Lý Trần Lê sở vị hữu chi sự. Triếp cảm vọng ý sai độ. Gián hữu phù ngôn. Khâm duy đại hoàng đế bệ hạ. Thiên địa vi tâm. Sơn hải kỳ lượng. Vô vi bất chúc. Vô ẩn bất chu. Giám thần chi thành. Tứ thần tảo đắc hồi quốc. Phi duy chương đại tín ư thiên hạ. Kiêm diệc kỳ công chiếu ư ngu nhân.

... Đến như lòng cảm kích sâu xa của thần, vậy mà cũng có chỗ không liệu tới được. Thần đích thân sang nơi khuyết đình [chỗ hoàng đế ở] để chúc thọ. Lòng thành muốn hướng về để mong mặt trời soi sáng cho cả chỗ nhỏ bé, mong đền đáp thiên ân một trong vạn phần. Thế nhưng người trong nước thần. Thấy thần đưa thân vào triều kiến. So với các triều trước như Lý Trần Lê là điều chưa từng có. Không khởi có chỗ nghĩ quấy. Đưa ra những lời sai ngoa. Có biết đâu đại hoàng đế bệ hạ. Tấm lòng như trời đất. Lượng rộng như núi biển. Không chỗ nhỏ nhoi nào không soi tới. Không điều gì sâu kín mà không tỏ tường. Nên xem lòng thành của thần. Cho thần sớm được về nước. Để lộ rõ sự tốt đẹp đại tín cho thiên hạ biết. Lại soi sáng cho những kẻ ngu ... [Khâm Định An Nam Kỷ Lược, quyển XXX, tr. 19-20]

Nai] đem quân xâm lăng nước An Nam, một phiên thuộc của Đại Thanh, trên danh nghĩa họ có thể đem quân can thiệp [giống như đã đem quân sang đưa Lê Duy Kỳ trở lại ngai vàng].

Để đề phòng những bất trắc, khi bắt được anh em Quang Toản rồi, vua Gia Long cũng chờ mấy tháng sau mới hành hình, có lẽ để bảo đảm là nhà Thanh sẽ không đòi cắt một mảnh đất cho họ hay giúp vua tôi Cảnh Thịnh - Bảo Hưng “*tị nạn*” như Lê Duy Kỳ thuở nào. Sử nhà Nguyễn thường đề cao những vận động ngoại giao khi vua Gia Long mới lên ngôi [kể cả việc xin đổi quốc hiệu] nhưng khi tìm hiểu thêm các tài liệu của Trung Hoa thì thấy rằng Thanh đình biết rõ mọi việc và “*bất động thanh sắc*” chỉ để xem thời cuộc biến chuyển ra sao.

Vào thời điểm cử sứ thần sang cầu phong, đất Đồng Nai vẫn còn là một thuộc quốc nằm trong “*mandala*” của Xiêm La nên vua Gia Long không thể không quan tâm đến một số vấn đề ngoại giao với Trung Hoa [Xiêm La khi đó cũng là phiên thuộc của nhà Thanh]. Khi được phong vương [nghĩa là được hợp thức hoá vị trí của mình] Nguyễn Ánh định lên tận Nam Quan làm lễ đủ biết ông vô cùng xao xuyến thấy ước mơ sau cùng đã đạt được.¹¹

Khi vẽ lại toàn bộ khung cảnh ngoại giao Thanh – Việt thời Tây Sơn, việc hình thành một liên hệ chặt chẽ với triều đình Bắc Kinh là một thắng lợi lớn. Đại Việt có được nhiều ưu đãi hơn về thương mại, về văn hoá ... tạo uy tín đáng kể trong khu vực mà trước đây chúng ta chưa từng có. Thế nhưng trên một mặt nào đó, Nguyễn Huệ cũng phải chịu những hậu quả bất lợi. Tuy thành công trong ngoại giao với nhà Thanh nhưng quan hệ của vương triều Tây Sơn với những tiểu quốc chung quanh có phần lỏng lẻo. Nguy hiểm nhất là kẻ thù “*bất cộng đái thiên*” ở Gia Định đã có một cơ hội bằng vàng để hồi sinh. Vương quốc của Nguyễn Nhạc [tuy không đe dọa đến sinh mạng chính trị của ông em ở miền Bắc] đã coi như chịu lép một bề [từ khi Nguyễn Huệ lên ngôi hoàng đế và “*giáng*” anh xuống làm Tây vương] lại đóng vai trò “*một trái độn an toàn*” hết sức quan trọng cho khu vực Đồng Nai. Chúa Nguyễn biết rằng Nguyễn Nhạc chẳng dám làm gì ngoài việc cố thủ để khỏi bị xâm lăng, còn Nguyễn Huệ thì đang vướng vào mạng lưới lễ nghi qua lại với Thanh triều. Lực lượng của vua Thái Đức giờ đây lại đóng vai trò một hình nộm cho Nguyễn Ánh thí nghiệm về ưu thế kỹ thuật và chiến thuật mới trước khi phải trực tiếp giao tranh với quân đội của Nguyễn Huệ mà ông vẫn kiêu dè. Chính tiên cơ về chủ động trong tấn công giúp chúa Nguyễn đi từ thành tựu này sang thắng lợi khác.

Một cách tổng quát, những ưu điểm của triều đình Quang Trung xây dựng trên một mẫu số chung. Đó là uy tín cá nhân của con người Nguyễn Huệ. Chính ông là trung tâm của mọi hào quang, đối nội cũng như đối ngoại. Cá nhân ông là đối tượng của vua Càn Long nên những chính sách đối với Đại Việt đã đi ra ngoài phạm vi thiên triều – phiên thuộc mà là “*tình thân*” giữa vua Thanh và Nguyễn Huệ. Cũng chính con người của vua Quang Trung là sao Bắc Thần để “*chúng tinh cùng chi*” [các vì sao châu về], dù văn thần hay võ tướng ở Thăng

¹¹ *Đại Nam Thực Lục, Đệ Nhất Kỳ, quyển XVIII* (bản dịch Viện Sử Học, tập Một, nxb Giáo Dục, Hà Nội, 2002) tr. 510. Cũng nên thêm rằng các chúa Nguyễn ở Đàng Trong đã nhiều phen gửi sứ giả sang xin nhà Thanh công nhận như một quốc gia riêng biệt tách rời khỏi Bắc Hà nhưng không thành công.

Long hay Phú Xuân. Khi ông qua đời, chất keo gắn liền những thế lực rời rạc đó mất đi nên không những triều đình Tây Sơn suy vi mà còn mang nhiều yếu tố tự huỷ.

IV. CUỘC ĐỜI LƯU VONG CỦA LÊ CHIÊU THỐNG

Trận đánh đầu năm Kỷ Dậu đã đưa đến một vấn nạn ngoại giao cho Thanh triều, đặt họ phải chọn lựa giữa “*đồng minh*” đã thất thế và “*kẻ thù*” nay có chiều hướng trở thành “*bạn*”.

Giao thiệp giữa hai triều đình Thanh – Việt nằm trong vòng bí mật nên rất nhiều sự kiện sử triều Nguyễn không biết hay chép theo sự suy đoán riêng của một số người. Ngay khi vừa chiến thắng, Nguyễn Huệ lập tức tính đến việc hoà giải với Trung Hoa vì đây là phương thức hay nhất khi ông thấy rằng liên minh với đối phương có lợi hơn là chống đối họ.

Về phần nhà Thanh, việc trợ giúp cho Lê Duy Kỳ vốn dĩ chỉ là một danh nghĩa để đẩy mạnh chủ trương bành trướng nên việc chấp nhận phong vương cho Nguyễn Huệ cũng chẳng làm lệch mục tiêu tiếp tục có một quốc gia phiên thuộc ở phía nam. Các đại thần nhà Thanh cũng tương kế tựu kế giả vờ đóng vai trung gian, làm con thoi qua lại giữa Bắc Kinh và Thăng Long. Chính vì thế, công tác ngoại giao trong tiến trình hoà giải rốt ráo chỉ là đẩy vào một cánh cửa đã mở sẵn.

Trong thương thảo để tiến tới việc “*bỏ nhà Lê, nhận nhà Nguyễn* [Tây Sơn]” của Thanh triều, chúng ta có dịp dừng lại một tiến trình khá phức tạp. Có thể nói cuộc vận động “*công nhận chính quyền*” này không giản dị như sử triều Nguyễn chép, cũng không đầy kịch tính như *Hoàng Lê Nhất Thống Chí* miêu tả mà thủ tục trước sau đều theo sát những điển lệ của Trung Hoa, nếu có gia giảm đôi chút là vì lễ tòng quyền mà thôi. Đi sâu vào các trao đổi của vua tôi nhà Thanh, việc tin rằng ngòi bút của Ngô Thì Nhậm là xương sống của đàm phán chỉ là một định kiến thiếu cơ sở.

Chính vì không bị động như ta tưởng, Thanh triều đã đi từng bước để ràng buộc triều đình Quang Trung vào những nghi lễ khiến bề ngoài tưởng như nhượng bộ nhưng thực tế vẫn là chính sách “*ky mi*”, dây mềm buộc chặt¹². Riêng vua Lê và tuý tòng, vì không được thông tin đúng mức nên vẫn cố giải thích hiện tượng theo suy nghĩ chủ quan, tin tưởng rằng sẽ trở về trong sự bảo trợ của quân Thanh lần thứ hai. Để dọn sạch những chướng ngại cho việc thần phục tạo thuận lợi cho phái đoàn Nguyễn Quang Hiển sang nhận sắc ấn mở đầu cho đích thân Nguyễn Huệ tham dự lễ bát tuần khánh thọ, Phúc Khang An đã tìm cách chiêu dụ bộ chỉ huy và thành phần lãnh đạo của các nhóm phù Lê từ trong nước sang Quảng Tây rồi quản thúc, cách ly họ.

Sử nước ta vẫn cho rằng việc Lê Duy Kỳ và những người theo ông “*cắt tóc, đổi áo*” chỉ vì bị đánh lừa. Xem lại chính sách và tình hình lúc đó, khi nhà Thanh quyết định chấp nhận phong vương cho Nguyễn Huệ, Phúc Khang An [theo lệnh của vua Càn Long] đã bắt vua Lê và bày

¹² Điều đáng chú ý là khu vực tây nam nước Tàu có ba vương quốc lớn – Miến Điện, Xiêm La và An Nam – mỗi vương quốc theo đuổi phương thức ngoại giao và đối đầu với nhà Thanh theo một kiểu. Cho đến nay, chưa có sử gia người Việt nào bỏ công nghiên cứu kỹ lưỡng về ba đường lối ấy một cách công bình để tìm ra một đường lối tối ưu.

tôi chọn một trong hai đường, hoặc chấp nhận làm dân “*thiên triều*” để sống lưu vong, đoạn tuyệt với quê cha đất tổ [như vua quan nhà Hồ bị bắt sang Yên Kinh đời Minh], hoặc sẽ bị giải về nước giao lại cho tân triều định đoạt¹³. Riêng Lê Quýnh và 28 đồng bọn được Phúc Khang An “*mời*” sang “*bàn quốc sự*” thì nhất quyết phản kháng, lấy cớ là họ không tự ý chạy sang Trung Hoa nên muốn được trả tự do để trở về mưu việc khôi phục.

Lẽ dĩ nhiên Thanh triều không thể để nhóm người cứng đầu này làm phương hại đến tiến trình bang giao đang thuận lợi nên tống cả bọn vô ngục, rồi 13 năm sau khi tình hình đã yên, nước Nam đã đổi chủ thì những người Việt bất hạnh ấy mới được “*toàn khãn áo*”, ăn mặc theo lối cũ mà về nước.

Việc cưỡng bách vua Lê và những người theo ông phải lưu vong đã tạo nên nhiều oan nghiệt. Những ai không bị giam thì cũng bị án biệt xứ, có người còn bị đẩy ra tận Tân Cương, Mông Cổ [một bản án chỉ sau tử hình một bậc]. Điều đó cho thấy việc ở lại Trung Hoa không phải là một lựa chọn mà là sự chẳng đặng đừng.

¹³ Về sau, khi có sự đồng ý của triều đình Tây Sơn, vua Càn Long có đưa một số người về nước với cam kết là sẽ sống bình thường và không tìm cách nổi loạn. Nguyễn Huệ cũng cho tìm tông thất nhà Lê [trong đó có một người em gái vua Chiêu Thống] đưa sang Trung Hoa theo yêu cầu của vua Càn Long. Chính nhờ thoả hiệp này nên cựu thần nhà Lê không bị truy sát. Ngược lại, những ai chống lại tân triều sẽ bị đàn áp thẳng tay và Nguyễn Huệ cũng báo cho Thanh triều về kết quả bình định [đáng kể nhất là giết được Lê Duy Chỉ (tức ông Hoàng Ba, em của Lê Duy Kỳ) và đánh tan đạo quân Ai Lao ủng hộ ông này].